

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2022/DS-PT
Ngày 17 – 01 – 2022
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập
Ông Đặng Minh Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 171/2021/TLPT-DS ngày 17 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 94/2021/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 204/2021/QĐ-PT ngày 19 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Bé T1** - sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã K, huyện T, tỉnh C.

- Bị đơn:

1. Chị **Bùi Kiều N** - sinh năm 1984 (Có mặt).

2. Anh **Phạm Văn T2** - sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã K, huyện T, tỉnh C.

- Người kháng cáo: chị Bùi Kiều N, anh Phạm Văn Th là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị Bé T1 trình bày:

Ngày 19/11/2018 ả bà có mở dây hụi loại 5.000.000 đồng, gồm 24 chung, mỗi tháng khai 01 lần, vợ chồng N và T2 chơi 01 chung, đóng 15 lần, đến lần thứ 16 vợ chồng N, T2 hốt (19/02/2020 ả) hốt được 103.000.000 đồng, trừ cò 3.000.000 đồng, N và T2 hốt được 100.000.000 đồng. Bà giao hụi cho N và T2

75.000.000 đồng, còn lại 25.000.000 đồng thiếu lại do thời điểm dịch bệnh COVID-19 bùng phát, kinh tế của các hội viên tham gia cũng ảnh hưởng nên việc gom hội gặp khó khăn, không gom hội được nên thống nhất với các hội viên còn lại, trong đó có vợ chồng N, T2 là mỗi hội viên khi hốt sẽ cho bà nợ lại 25.000.000 đồng (có xác nhận của các hội viên) và khi bà giao hội thì có thỏa thuận giấy tay là N đóng lại hội chết 08 lần bằng 40.000.000 đồng, cuối hội bà trả N 25.000.000 đồng. Hiện nay hội đã mãn, bà yêu cầu vợ chồng N và T2 trả cho bà tiền hội chết 40.000.000 đồng, trừ 25.000.000 đồng bà còn nợ, còn lại 15.000.000 đồng. Bà T1 đồng ý trả lại tiền còn 3000.000 đồng, chỉ yêu cầu vợ chồng N T2 trả số tiền 12.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là chị Bùi Kiều N và anh Phạm Văn T2 trình bày:

Anh chị thừa nhận có tham gia dịch hội của bà T1 và thời gian hốt hội như bà T1 trình bày, do bà T1 không hoàn thành nghĩa vụ giao hội đủ cho vợ chồng anh chị, còn thiếu 25.000.000 đồng đến nay không trả nên vợ chồng anh chị không thống nhất đóng hội chết cho bà Tư và không đồng ý trả 15.000.000 đồng cho bà Tư như khởi kiện. Nếu bà T1 đồng ý giao cho anh chị 25.000.000 đồng, T2 kể từ ngày bà T1 giao 25.000.000 đồng, hàng tháng vợ chồng anh chị đồng ý đóng hội 5.000.000 đồng đến khi đủ là 40.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số:94/2021/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bé T1 đối với bị đơn chị Bùi Kiều N và anh Phạm Văn T2.

Buộc chị Bùi Kiều N và anh Phạm Văn T2 có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Bé T1 số tiền 12.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/5/2021, chị N anh T2 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo anh chị. Do anh chị không nhận số tiền 25.000.000 đồng của hội sống nên không có nghĩa vụ trả lại hội chết.

Phản tranh luận tại phiên tòa: chị N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Nội dung bị đơn thừa nhận có chơi hội, có nhận số tiền hốt hội, hội sống còn lại 8 lần nhưng bị đơn xác định là do ngừng hội, nguyên đơn không thừa nhận có việc ngừng hội Bị đơn kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà T1 yêu cầu chị N anh T2 thanh toán số tiền chưa đóng hụi còn lại là 12.000.000 đồng. Chị N anh T2 không đồng ý. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T1 nên chị N anh T2 kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của chị N anh T2, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Đối với anh T2 có kháng cáo và đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai anh T2 vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ yêu cầu kháng cáo của anh T2.

[3]Đối với yêu cầu của chị N, xét thấy:

[3.1] Giao dịch hụi giữa bà T1 và anh T2 chị N là thực tế có diễn ra được các bên đều thừa nhận. Các đương sự thống nhất nhau về thời gian mở hụi, số hụi viên, ngày hốt hụi của chị N anh T2. Bị đơn cho rằng đến lần thứ 16 bà T1 tuyên bố đình hụi nên bà T1 giao hụi cho chị N anh T2 75.000.000 đồng là tiền của 15 chung hụi chết.

[3.2] Bà T1 không thừa nhận có việc đình hụi mà các bên thỏa thuận thiếu lại 25.000.000 đồng và chị N, anh T2 có trách nhiệm đóng đến khi mãn hụi là 8 lần bằng 40.000.000 đồng. Đến khi mãn hụi T2 bà Tư phải có trách nhiệm hoàn lại số tiền 25.000.000 đồng cho chị N anh T2.

[3.3] Các tài liệu chứng cứ tại hồ sơ thể hiện: Có danh sách hụi viên, giấy giao hụi cho chị N anh T2 có thể hiện còn nợ lại số tiền 20.000.000 đồng. ngoài ra còn có xác nhận của một số hụi viên về việc cho chủ hụi nợ lại 25.000.000 đồng khi hốt hụi.

[3.4] Chị N anh T2 cho rằng đã đình hụi nên không đóng tiếp số tiền còn lại nhưng anh T2 chị N không có bất cứ tài liệu chứng cứ gì chứng minh có việc đình hụi, hơn nữa khi chị N anh T2 hốt hụi, khi nhận tiền giao hụi và tiền thiếu lại chị N anh T2. Trường hợp nếu chị N anh T2 không đồng ý với sự thỏa thuận trên T2 có quyền yêu cầu bà T1 giao đủ hay yêu cầu chính quyền địa phương hay Tòa án giải quyết nhưng khi chị N anh T2 nhận tiền cũng không có ý kiến gì. Điều này thể hiện chị N anh T2 cũng đồng ý với sự thỏa thuận của bà T1.

[3.5] Chị N anh T2 yêu cầu bà T1 giao đủ số tiền 25.000.000 đồng còn thiếu T2 hàng tháng anh T2 chị N sẽ đóng lại hụi cho đến khi đủ 8 lần hụi chết. Yêu cầu này của chị N anh T2 là không phù hợp vì hụi hiện nay đã mãn, hơn nữa mỗi hụi viên khi hốt hụi phải có nghĩa vụ đóng lại hụi chết cho những người chưa hốt hụi. chị N anh T2 không thực hiện nghĩa vụ đó nên bà T1 đã thực hiện thay nghĩa vụ của chị N anh T2, nay bà T1 có yêu cầu T2 Chị N anh T2 phải có nghĩa vụ giao lại số tiền trên là phù hợp.

[3.6] Từ những phân tích nêu trên, kháng cáo của bị đơn không có căn cứ chấp nhận nên giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp.

[4] Án phí phúc thẩm: bị đơn phải chịu, có đơn dự nộp được chuyển thu án phí.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Văn T2.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Bùi Kiều N.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 94/2021/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bé T1 đối với bị đơn chị Bùi Kiều N và anh Phạm Văn T2.

Buộc chị Bùi Kiều N và anh Phạm Văn T2 có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Bé T1 số tiền 12.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, T2 hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Chị Bùi Kiều N và anh Phạm Văn T2 phải chịu số tiền 600.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (Chưa nộp).

Bà Lê Thị Bé T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà Tư có dự nộp tạm ứng án phí số tiền 375.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004275 ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: buộc anh Phạm Văn T2, chị Bùi Kiều N mỗi người phải chịu 300.000 đồng, ngày 26/5/2021, chị Bùi Kiều N có nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004992, ngày 27/5/2021, anh Phạm Văn T2 có nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004993 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu án phí.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự T2 người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Cẩm Đào